

Số: 01/BC.HĐQT.PVCL.21

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
(Năm 2020)

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty niêm yết (*Name of Company*): **Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**
- Địa chỉ trụ sở chính (*Address of headoffice*): Số 02, lô KTM 06, đường số 6, Khu đô thị 5A, P4, TP. Sóc Trăng.
- Điện thoại (*Tel*): (0299) 3627999 Fax: (0299) 3627888 Email: pvcl@dothi5a.com
- Vốn điều lệ (*Charter capital*): 474.998.850.000 đồng.
- Mã chứng khoán (*Stock Symbol*): CCL
- Mô hình quản trị công ty (*Governance model*): Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và có ủy Ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (*Meeting of Shareholders, Board of Directors and Audit Committee under the Board of Directors; General Director*)
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|--|
| 1. | 01/NQ.ĐHĐCĐ/PVCL.20 | 17/04/2020 | Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2020. |
| 2. | 01/BB.ĐHĐCĐ/PVCL.20 | 17/04/2020 | Biên bản cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2020. |

II. Hội đồng quản trị (Năm 2020):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| S T T | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu / không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-------------|------------------------|------------------|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Nguyễn Triệu Dũng | Chủ tịch HĐQT | 14/04/2012 | |
| 2 | Ông Dương Thế Nghiêm | Thành viên, PTGD | 14/04/2012 | |
| 3 | Ông Trương Trúc Linh | Thành viên HĐQT | 15/04/2017 | |
| 4 | Ông Nguyễn Thái Nguyên | TV độc lập | 27/04/2018 | |
| 5 | Ông Phạm Tân Khoa | TV độc lập | 17/04/2020 | |

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Triệu Đông | Chủ tịch HĐQT | 8/8 | 100% | |
| 2 | Ông Dương Thế Nghiêm | Thành viên, TGD | 8/8 | 100% | |
| 3 | Ông Trương Trúc Linh | Thành viên HĐQT | 8/8 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Thái Nguyên | TV độc lập | 8/8 | 100% | |
| 5 | Ông Phạm Tân Khoa | TV độc lập | 7/7 | 100% | |

Hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị:

a. Ngày 17/04/2020, Hội đồng quản trị đã thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về một số nội dung:

+ Ông Phạm Tân Khoa đã đắc cử vào vị trí thành viên độc lập HĐQT Công ty kể từ ngày 17/04/2020 với tỉ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 là 100%. Và Đại hội cũng đã chính thức miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT của ông Trịnh Sướng cũng với tỉ lệ biểu quyết là 100%.

+ Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua nội dung Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc đến hết ngày 30/6/2020 với tỉ lệ biểu quyết là 100%.

+ Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng trình Đại hội đồng cổ đông về việc áp dụng mô hình tổ chức theo Điều b, Khoản 1, Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 là bãi bỏ Ban kiểm soát, thành lập Ban kiểm toán nội bộ và nhân sự Ban kiểm toán nội bộ sẽ do HĐQT bổ nhiệm. Kết quả Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết tán thành với tỉ lệ 100%.

b. Ngày 29/6/2020, Hội đồng quản trị đã họp để cơ cấu lại Ban Tổng giám đốc mới kể từ ngày 01/7/2020:

+ Bãi nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Triệu Đông.

+ Bổ nhiệm ông Dương Thế Nghiêm – Phó Tổng giám đốc thường trực vào chức danh Tổng Giám đốc.

+ Bổ nhiệm ông Đặng Văn Út Anh – Trưởng phòng kinh doanh vào vị trí Phó Tổng giám đốc kinh doanh.

c. Trong Quý 3/2020, Hội đồng Quản trị đã họp thống nhất thông qua kết quả HĐSX kinh doanh 06 tháng đầu năm. Đồng thời, phân công lại nhiệm vụ từng thành viên trong Hội đồng quản trị kể từ ngày 27/07/2020.

- Ngày 24/09/2020, Hội đồng Quản trị đã thống nhất ngày chốt danh sách để chi trả cổ tức năm 2019 là ngày 15/10/2020.

d. Quý 4/2020, Hội đồng quản trị cũng tiến hành họp định kỳ để thông qua kết quả HĐSX KD trong 9 tháng đầu năm.

- Ngày 22/12/2020, do tình hình tài chính công ty, HĐQT đã tiến hành họp thống nhất dời ngày chi trả cổ tức 2019 là ngày 30/12/2020. Và hiện tại đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2019.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

HĐQT thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ mà HĐQT đã giao cho Ban Tổng Giám đốc, chỉ đạo và định hướng phát triển công ty. Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban TGD trong các công tác sau:

+ Tổng kết công tác SXKD năm 2019 và đề ra kế hoạch hoạt động năm 2020. Chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2020 | Kế hoạch năm 2020 | Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch |
|-------------------------|--------------------|-------------------|---------------------------------|
| Tổng Doanh thu | 892.000.000.000 | 950.000.000.000 | 93,89% |
| Lợi nhuận sau thuế | 70.300.000.000 | 52.000.000.000 | 135,19% |
| Tỷ suất LNST/ Doanh thu | 7.88% | 5-6% | |

+ Công tác chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 vào ngày 17/04/2020

+ Chuẩn bị nguồn vốn cho các dự án triển khai thực hiện trong năm 2020.

+ Xem xét lại hồ sơ năng lực công ty để tham gia đầu tư vào các dự án mới tại Sóc Trăng như Khu nhà ở thương mại kinh tế biển Trần Đề giai đoạn 2, Khu nhà ở thương mại thị trấn Long Phú và một số dự án khác đang được triển khai trong tỉnh Sóc Trăng.

+ Ngày 29/6/2020 đã cơ cấu lại Ban Tổng giám đốc và chính thức bổ nhiệm các thành viên Ban Tổng Giám đốc có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2020, với các thành viên sau:

1. Ông Dương Thế Nghiêm – Tổng giám đốc.
2. Ông Nguyễn Sông Gianh – Phó Tổng giám đốc.
3. Ông Đặng Văn Út Anh – Phó Tổng giám đốc.

4. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị:

Căn cứ theo nội dung của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc áp dụng mô hình tổ chức theo Điểm b, Khoản 1, Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014 là bãi bỏ Ban kiểm soát, thành lập Ban kiểm toán nội bộ. Hội đồng quản trị đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ với 03 thành viên kể từ ngày 07/05/2020.

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ đương nhiệm bao gồm 03 người:

| STT | Thành viên BKTNB | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKTNB | Số buổi họp của BKTNB | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|--------------|----------------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Phạm Tân Khoa | Trưởng BKTNB | 07/05/2020 | 4/4 | 100% | |
| 2 | Bà Trần Thị Ngọc Huệ | T.Viên BKTNB | 07/05/2020 | 4/4 | 100% | |
| 3 | Ông Trần Quốc Bảo | T.Viên BKTNB | 07/05/2020 | 4/4 | 100% | |

Ban kiểm toán nội bộ chính thức được thành lập từ ngày 07/05/2020, đến nay đã phát huy tốt vai trò và thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Bản quy chế kiểm toán nội bộ và được tham gia, giám sát chặt chẽ tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc chọn Dịch vụ tư vấn kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính của công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm toán nội bộ nhằm soát xét và thông qua số liệu các BCTC của công ty. Các báo cáo trên tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam và theo hướng dẫn thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014 về việc hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Và các nội dung liên quan đến hoạt động giám sát HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2020.

4.1. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm toán nội bộ đối với Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2020, Ban kiểm toán nội bộ được tiếp cận đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị và được tham dự đầy đủ các cuộc họp quan trọng của Hội đồng quản trị nhằm nắm bắt thông tin kịp thời trong các phiên họp quan trọng liên quan đến triển khai đầu tư dự án

và kiểm soát hệ thống hoạt động và phát triển Công ty theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Thẩm định, xem xét các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính Quý và bán niên của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, các tài liệu họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2020.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Căn cứ hoạt động trong năm 2020, chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong Điều lệ của Công ty và không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông để cần có quyết định kiểm tra bất thường đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm toán nội bộ giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị điều hành hoạt động Công ty đúng theo tinh thần Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông đã giao và tuân thủ đúng pháp luật.

- **Về nhân sự hội đồng quản trị:** trong năm 2020 Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017-2021 đã bổ nhiệm bổ sung thêm 01 thành viên mới là ông Phạm Tân Khoa vào vị trí thành viên độc lập HĐQT. Tổng số thành viên HĐQT hiện tại là 05 thành viên. Trong đó, ông Nguyễn Triệu Dũng - Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc kể từ ngày 01/07/2020.

- Các thành viên HĐQT đều thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời theo phương thức vì lợi ích cao nhất của Công ty và Cổ đông.

- Ngoài thành viên độc lập Hội đồng quản trị - ông Phạm Tân Khoa là trưởng ban KTNB, thì Ban KTNB đều cử 01 thành viên cùng tham gia các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành nhằm nắm bắt kịp thời những chính sách điều hành trong từng giai đoạn hoạt động và phát triển Công ty theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

4.2. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm toán nội bộ đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành:

- Với sự nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và trên đà phát triển tốt, nhu cầu khách hàng đang quan tâm hiện nay vào phân khúc sản phẩm đất nền, đây cũng chính là sản phẩm chủ lực của Công ty. Trong năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc đẩy mạnh xây dựng phân khúc sản phẩm nhà phố shophouse trên đại đô thị tuyến đường số 6 và đầu tư các tiện ích trong năm 2020 tại dự án để thu hút khách hàng và các nhà đầu tư như Công chèo Mekong Centre; Bờ kè kênh nhân lực; Cầu Minh Nguyệt; Các công viên trong nội khu dự án...

- Công ty đã chủ động và tích cực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt kết quả trong năm 2020 như sau:

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2020 | Thực hiện năm 2020 | Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch |
|--------------------------------------|-------------------|--------------------|---------------------------------|
| 1. Tổng Doanh thu hợp nhất | 950.000.000.000 | 892.000.000.000 | 168,62% |
| 2. Tổng chi phí | 885.562.500.000 | 804.700.000.000 | |
| 3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 64.437.500.000 | 87.300.000.000 | |
| 4. Chi phí thuế TNDN | 12.437.500.000 | 17.000.000.000 | |
| 5. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 52.000.000.000 | 70.300.000.000 | 171,46% |
| 6. Tỷ suất LNST/ Doanh thu | 5,47% | 7,88% | |

4.3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban KTNB đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2020, BKTNB phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công bố thông tin theo quy định về hoạt động công bố thông tin của Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Ngoài những công việc thường xuyên theo quy định BKTNB còn thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Ban điều hành khi có yêu cầu kiểm soát nội bộ.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Năm 2020):

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định/ Biên bản | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------------|------------|---|
| 1. | 01.BB-HĐQT/PVCL.20 | 17/02/2020 | Biên bản HĐQT về việc thống nhất thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 |
| 2. | 01/NQ.HĐQT.PVCL.20 | 17/02/2020 | Nghị quyết HĐQT về việc thống nhất thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. |
| 3. | 02/BB-HĐQT/PVCL.20 | 07/05/2020 | Biên bản HĐQT về việc thống nhất thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT |
| 4. | 02/NQ-HĐQT/PVCL.20 | 07/05/2020 | Nghị quyết HĐQT về việc thống nhất thành lập Ban Kiểm toán nội bộ và Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ. |
| 5. | 02/QĐ-HĐQT/PVCL.20 | 07/05/2020 | Quyết định HĐQT về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. |
| 6. | 03/QĐ-HĐQT/PVCL.20 | 07/05/2020 | Quyết định HĐQT về việc Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ. |
| 7. | 03/BB-HĐQT/PVCL.20 | 11/06/2020 | Biên bản HĐQT về việc thống nhất chọn công ty TNHH dịch vụ tư vấn kế toán và kiểm toán Phía Nam(AASCS) |
| 8. | 03/NQ.HĐQT/PVCL.20 | 11/06/2020 | Nghị quyết HĐQT về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/6/2020 và BCTC kết thúc tại ngày 31/12/2020 |
| 9. | 04/BB.HĐQT/PVCL.20 | 29/06/2020 | Biên bản HĐQT về việc thống nhất thay đổi và bổ nhiệm các chức danh Ban Tổng giám đốc kể từ ngày 01/07/2020. |
| 10. | 04/NQ.HĐQT/PVCL.20 | 29/06/2020 | Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi và bổ nhiệm các chức danh Ban Tổng giám đốc kể từ ngày 01/07/2020 |
| 11. | 05/QĐ-HĐQT/PVCL.20 | 29/06/2020 | Quyết định HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Triệu Dũng kể từ ngày 01/07/2020 |
| 12. | 06/QĐ-HĐQT/PVCL.20 | 29/06/2020 | Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc đối với ông Dương Thế Nghiêm kể từ ngày 01/07/2020 |

| | | | |
|-----|--------------------|------------|--|
| 13. | 07/QĐ-HĐQT/PVCL.20 | 29/06/2020 | Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Đặng Văn Út Anh kể từ ngày 01/07/2020 |
| 14. | 05/BB.HĐQT/PVCL.20 | 27/07/2020 | Biên bản HĐQT soát xét thông qua các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và phân công lại nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT |
| 15. | 05/NQ.HĐQT/PVCL.20 | 27/07/2020 | Nghị quyết HDDQT về việc phân công lại nhiệm vụ các thành viên trong HĐQT Công ty PVCL |
| 16. | 06/BB-HĐQT/PVCL.20 | 24/09/2020 | Biên bản HĐQT về việc thống nhất ngày chốt danh sách trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt |
| 17. | 06/NQ-HĐQT/PVCL.20 | 24/09/2020 | Nghị quyết HĐQT về việc thống nhất ngày chốt danh sách trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt |
| 18. | 07/BB-HĐQT/PVCL.20 | 28/10/2020 | Biên bản HĐQT về việc thống nhất Báo cáo tài chính Quý 3/2020 và thống nhất kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4/2020 |
| 19. | 07/NQ-HĐQT/PVCL.20 | 28/10/2020 | Nghị quyết HĐQT về việc thống nhất Báo cáo tài chính Quý 3/2020 và thống nhất kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4/2020 |
| 20. | 08/BB-HĐQT/PVCL.20 | 22/12/2020 | Biên bản HĐQT về việc gia hạn ngày trả cổ tức năm 2019 ngày 30/12/2020 |
| 21. | 08/NQ-HĐQT/PVCL.20 | 22/12/2020 | Nghị quyết HĐQT về việc gia hạn ngày trả cổ tức năm 2019 ngày 30/12/2020 |

III. Ban điều hành/ Board of Management:

| S T T | Thành viên Ban điều hành | Chức vụ | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm |
|-------------|-----------------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------|---------------|
| 1 | Ông Dương Thế Nghiêm | Tổng giám đốc | 07/04/1959 | Đại học Quản trị kinh doanh | 01/07/2020 |
| 2 | Ông Nguyễn Sông Gianh | Phó Tổng giám đốc | 15/01/1966 | Đại học chính trị | 03/05/2019 |
| 3 | Ông Đặng Văn Út Anh | Phó Tổng giám đốc | 01/01/1983 | Đại học Quản trị kinh doanh | 01/07/2020 |

IV. Kế toán trưởng/ Chief Accountant:

| S T T | Thành viên Ban điều hành | Chức vụ | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm |
|-------------|-----------------------------|----------------|------------------------|------------------------|---------------|
| 1 | Bà Bùi Thị Kim Ngân | Kế toán trưởng | 01/07/1978 | Đại học kế toán | 03/05/2019 |

V. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Trong tháng 06/2020, Hội đồng quản trị đã tham dự hội thảo do Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

Sóc Trăng tổ chức “Quản lý sự thay đổi và quản trị nội bộ doanh nghiệp thích ứng sau dịch covid 19”; cử 08 cán bộ lãnh đạo tham dự khóa đào tạo Giám đốc điều hành CEO do trường Đại học kinh tế Hồ Chí Minh tổ chức; Hội nghị trực tuyến về triển khai chức năng Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp niêm yết” do Smart Train tổ chức; Hội nghị triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam do Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức; Hội nghị đối thoại về chính sách và thủ tục hành chính Thuế và Hải quan 2020 do Cục Thuế tổ chức...

Tổ chức cho tất cả các thành viên Ban kiểm toán nội bộ cùng Hội đồng quản trị tham dự Hội nghị trực tuyến tại Văn phòng công ty về nội dung “ **triển khai chức năng Kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp niêm yết**” do Smart Train phối hợp với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Hiệp hội Kiểm toán Nội bộ Hoa Kỳ IIA đồng tổ chức vào ngày 05/11/2020.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Năm 2020) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty:

1. **Danh sách về người có liên quan của công ty:** *Xem bảng danh sách đính kèm.*

2. **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ :** *Không có*

3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:** *Không có.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. **Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban KTNB, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):** *Không có.*

4.2. **Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban KTNB, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành:** *Không có.*

4.3. **Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành:** *Không có.*

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2020)

1. **Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:** *Xem danh sách đính kèm.*

2. **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:** *Có*

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác:

Bên có liên quan và tình hình công nợ với công ty tại ngày kết thúc báo cáo tài chính 31/12/2020:

1.1. Bên có liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|----------------------------|-----------------------|
| - Ông Nguyễn Triệu Dũng | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Dương Thế Nghiêm | Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Xi | Mẹ Chủ tịch HĐQT |
| - Bà Nguyễn Kim Hồng Đào | Vợ Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn | Con Chủ tịch HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Em ruột Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Hoàng Nhã | Em ruột Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Hoàng Phương | Em ruột Chủ tịch HĐQT |

| | |
|--------------------------------------|---|
| - Ông Đặng Văn Út Anh | Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 17/04/2020) |
| - Ông Lê Văn Phước | Thành viên góp vốn công ty con |
| - Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi | Đồng chủ tịch HĐQT |

7.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay |
|------------------------------------|--------------------|---------------|
| Nguyễn Kim Hồng Đào | Thu vay | 6.250.000.000 |
| | Trả tiền vay | 5.064.900.000 |
| | Thu tiền đất | 66.937.000 |
| Nguyễn Thị Thanh Thủy | Thu tiền | 2.865.000.000 |
| Nguyễn Anh Tuấn | Thu tiền đất | 66.937.000 |
| | Trả vay | 489.600.000 |
| Nguyễn Hoàng Phương | Trả vay | 400.800.000 |
| Dương Thế Nghiêm | Thu tiền đất | 169.751.411 |
| Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi | Trả vay | 1.008.000.000 |

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|--------------------|----------------|----------------|
| Dương Thế Nghiêm | Phải thu | 99.132.000 | 268.883.411 |
| | Phải trả | | |
| Nguyễn Thị Xi | Phải thu | - | 66.937.000 |
| Nguyễn Kim Hồng Đào | Phải thu | - | 66.937.000 |
| | Phải trả | 12.947.600.000 | 11.962.500.000 |
| Nguyễn Anh Tuấn | Phải thu | - | 66.963.000 |
| | Phải trả | 3.789.400.000 | 4.977.600.000 |
| Nguyễn Thị Thanh Thủy | Phải thu | - | 2.865.000.000 |
| Nguyễn Hoàng Phương | Phải trả | 5.098.200.000 | 5.499.000.000 |
| Nguyễn Hoàng Nhã | Phải thu | - | 65.000.000 |
| Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi | Phải thu khác | 35.549.800.000 | 36.549.800.000 |

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT + Ban KTNB;
- Ban TGD, KTT.
- Lưu: VT.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Triệu Đông

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

THỜI ĐIỂM CHỐT THÔNG TIN: NGÀY 28/01/2021

(Cung cấp thông tin người có liên quan của người nội bộ đính kèm Báo cáo quản trị năm 2020)

I. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ:

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Số giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--|----------------|------------------------------------|---|---|---|--|--|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| I. Thành viên Hội đồng quản trị: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CCL | Nguyễn Triệu Đông | 001C504127 | Chủ tịch HĐQT (NK2017-2021) | Chủ tịch HĐQT (NK2017-2021) | CMND | | | | OSL 01-17, Đường số 11, KĐT 5A, P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 8,500,000 | 17.89% | 4/15/2017 | | | |
| 2 | CCL | Dương Thế Nghiệm | 001C532005 | Thành viên HĐQT (NK2017-2021) kiêm Tổng Giám đốc | Thành viên HĐQT (NK2017-2021) kiêm Tổng Giám đốc | CMND | | | | LK33-25, Đường số 8, KĐT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 3,002,100 | 6.32% | 4/15/2017 | | | |
| 3 | | Trương Trúc Linh | | Thành viên HĐQT (NK2017-2021) | Thành viên HĐQT (NK2017-2021) | CMND | | | | LK36-01,02, Đường số 8, KĐT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 4 | CCL | Nguyễn Thái Nguyên | 0001052146 | Thành viên độc lập HĐQT (NK2017-2021) | Thành viên độc lập HĐQT (NK2017-2021) | CMND | | | | Số 49 LK08, Đường D2, Khu Minh Châu, P7, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 21,090 | 0.04% | 4/27/2018 | | | |
| 5 | | Phạm Tân Khoa | | TV độc lập HĐQT (NK2017-2021) kiêm Trưởng ban KTNB | TV độc lập HĐQT (NK2017-2021) kiêm Trưởng ban KTNB | CMND | | | | Số 468/28 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/17/2020 | | | |
| II. Thành viên Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Phạm Tân Khoa | | Trưởng ban KTNB | Trưởng ban KTNB | CMND | | | | Số 468/28 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 07/05/2020 | | | |
| 2 | | Trần Quốc Bảo | | Thành viên BKTNB | Thành viên BKTNB | CMND | | | | Số 09/64, Hẻm 9, Trương Công Định, K4, P2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 07/05/2020 | | | |
| 3 | | Trần Thị Ngọc Huệ | | Thành viên BKTNB | Thành viên BKTNB | CMND | | | | LK12-20, Đường số 8, KĐT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 07/05/2020 | | | |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Số giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lí do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|---|---|---------------------------------|---|---|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| | | III. Ban Tổng Giám đốc: | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CCL | Dương Thế Nghiêm | 001C532005 | Tổng Giám đốc | Tổng Giám đốc | CMND | | | | LK33-25, Đường số 8, KDT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 3,002,100 | 6.32% | 01/07/2020 | | | |
| 2 | CCL | Nguyễn Sông Gianh | 001C532004 | Phó Tổng Giám đốc | Phó Tổng Giám đốc | CMND | | | | LK01-42 KDC Minh Châu, P7, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 2,100 | 0.004% | 9/8/2015 | | | |
| 3 | | Đặng Văn Út Anh | | Phó Tổng Giám đốc | Phó Tổng Giám đốc | CMND | | | | Số 28.OLK35.Đường N17, KDT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 01/07/2020 | | | |
| | | IV. Kế toán trưởng | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CCL | Bùi Thị Kim Ngân | 0001036949 | Kế toán trưởng | Kế toán trưởng | Thẻ căn cước | | | | LK04-35 Đường số 8, KDT 5A, P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 5,000 | 0.01% | 4/1/2014 | | | |
| | | V. Người được ủy quyền công bố thông tin kiêm Thư ký HĐQT: | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Trần Thị Ngọc Huệ | | Người được UQ CBTT | Người được UQ CBTT | CMND | | | | LK12-20, Đường số 8, KDT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/6/2020 | | | |
| | | VI. Tổ chức có liên quan/ Other Organizations | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Công ty TNHH Bán Buôn Thủy Sản Đại Phú Xuân | | Công ty con | Công ty con | Giấy ĐKKD | | | | Số 56, Đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 1/1/2021 | | | |

II. DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Số giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lí do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|---|--|------------------------------|---|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | CCL | Nguyễn Triệu Đông | 001C504127 | Chủ tịch HĐQT (NK2017-2021) | Chủ tịch HĐQT (NK2017-2021) | CMND | | | | OSL 01-17, Đường số 11, KDT 5A, P4, TP Sóc Trăng, Sóc Trăng | 8,500,000 | 17,89% | 4/15/2017 | | | |
| 1.1 | | Nguyễn Văn Thành | | | Bố đẻ | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 1.2 | | Nguyễn Thị Xi | | Không | Mẹ đẻ | CMND | | | | Lô BD 01-03, KDC Minh Châu, P.7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.3 | | Nguyễn Kim Tiền | | | Bố vợ | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 1.4 | | Lâm Thị Sáu | | | Mẹ vợ | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 1.5 | CCL | Nguyễn Kim Hồng Đào | 001C532008 | Trưởng phòng vật tư | Vợ | CMND | | | | Số 32B, Dương Bá Trạc, P2,Q8,TP.HCM | 270,112 | 0,57% | 4/15/2017 | | | |
| 1.6 | | Nguyễn Anh Tuấn | | Không | Con ruột | CMND | | | | OSL01-17, Đường số 11, KDT5A, P4, TP SócTrăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.7 | | Vũ Thị Phương Thảo | | Không | Con dâu | CMND | | | | OSL01-17, Đường số 11, KDT5A, P4, TP SócTrăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.8 | | Nguyễn Anh Thy | | Không | Con ruột | - | | | | OSL01-17, Đường số 11, KDT5A, P4, TP SócTrăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 1.9 | | Nguyễn Thị Thanh Thủy | | Không | Em ruột | CMND | | | | KTM06-44, Số 6, KDT 5A, P.4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.10 | CCL | Trương Văn Phước | 001C532002 | Không | Em rể | CMND | | | | KTM06-44, Số 6, KDT 5A, P.4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 26,250 | 0,06% | 4/15/2017 | | | |
| 1.11 | | Nguyễn Kim Hoàng | | Không | Em ruột | - | | | | 3229 Arbor Rdg, Atlanta, GA 30340-4078 | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | Định cư ở nước ngoài |
| 1.12 | | Nguyễn Văn Chi | | Không | Em ruột | - | | | | 1945 Briergate Dr Duluth, GA 30097-6235 | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | Định cư ở nước ngoài |
| 1.13 | | Nguyễn Anh Linh | | Không | Em ruột | - | | | | 1945 Briergate Dr Duluth, GA 30097-6235 | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | Định cư ở nước ngoài |
| 1.14 | | Nguyễn Hoàng Phương | | Không | Em ruột | CMND | | | | Lô BD 01-03, KDC Minh Châu, P.7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.15 | | Lý Bích Quyên | | Không | Em dâu | CMND | | | | Lô BD 01-03, KDC Minh Châu, P.7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.16 | | Nguyễn Hoàng Phong | | | Em ruột | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 1.17 | | Nguyễn Hoàng Nhã | | Không | Em ruột | CMND | | | | Lô BD 01-03, KDC Minh Châu, P.7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.18 | | Tăng Thị Tú Loan | | Không | Em dâu | CMND | | | | Lô BD 01-03, KDC Minh Châu, P.7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 1.19 | CCL | Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Út xi | 001C63888 | | Tổ chức có liên quan | GDKKD | | | | Số 24, Đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng | 92,158 | 0,19% | 1/1/2021 | | | Nguyễn Triệu Đông Chủ tịch HĐQT |
| 1.2 | | Công ty TNHH Nhứt Trung Anh | | | Tổ chức có liên quan | GDKKD | | | | Km 2133 + 985 Quốc lộ 1A, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0,00% | 1/1/2021 | | | Nguyễn Anh Tuấn là Chủ tịch HĐQT |
| 1.21 | CCL | Công ty TNHH XD & TM Nhân Lực | 001C636666 | | Tổ chức có liên quan | GDKKD | | | | KTM10, Đường số 7, Khu đô thị 5A, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 5 | 0,00% | 1/1/2021 | | | Nguyễn Anh Tuấn là Chủ tịch HĐQT |
| 1.22 | | Công ty TNHH XD & TM Tài Lực | | | Tổ chức có liên quan | GDKKD | | | | KTM10, Đường số 7, Khu đô thị 5A, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0,00% | 1/1/2021 | | | NguyễnKimHồngĐào là Chủ tịch HĐQT |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Số giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lí do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|------------------------------------|---|--|---|--|--|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 2 | CCL | Dương Thế Nghiêm | 001C532005 | TV HĐQT (NK2017-2021) Người phụ trách quản trị công ty Tổng Giám đốc | Tổng Giám đốc | CMND | | | | LK33-25, Đường số 8, KDT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 3,002,100 | 6.32% | 4/15/2017 1/2/2018 7/1/2020 | | | |
| 2.1 | | Dương Tấn Lộc | | | Cha ruột | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 2.2 | | Hà Thị Tài | | Không | Mẹ ruột | CMND | | | | Ấp Tổng Cánh, Xã Liêu Tú, Trần Đề, Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.3 | | Dương Phước Lợi | | | Cha vợ | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 2.4 | | Trương Thị Nguyệt | | | Mẹ vợ | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 2.5 | | Dương Ngọc Sương | | Không | Vợ | CMND | | | | LK33-25, Đường số 8, KDT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.6 | CCL | Dương Bảo Châu | 001C532019 | Không | Con ruột | CMND | | | | 34/28 Phan Bội Châu, TP Sóc Trăng | 525 | 0.002% | 4/15/2017 | | | |
| 2.7 | | Phạm Hồ Tuyên | | Không | Con rể | CMND | | | | 34/28 Phan Bội Châu, TP Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.8 | | Dương Bảo Ngọc | | Không | Con ruột | CMND | | | | LK33-25, Đường số 8, KDT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.9 | | Dương Thị Hồng Nhung | | Không | Chị ruột | CMND | | | | TT Long Phú, H.Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.10 | | Dương Thị Hồng Đào | | Không | Em ruột | CMND | | | | Ấp Tổng Cánh, Xã Liêu Tú, Trần Đề, Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.11 | | Lâm Văn Bình | | Không | Em rể | CMND | | | | Ấp Tổng Cánh, Xã Liêu Tú, Trần Đề, Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.12 | | Dương Hoàng Xuân | | Không | Em ruột | CMND | | | | TT Sóng Đốc, H.Trần Văn Thời, Cà Mau | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.13 | | Phùng Thị Mộng Hoa | | Không | Em dâu | CMND | | | | TT Sóng Đốc, H.Trần Văn Thời, Cà Mau | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.14 | | Dương Hoàng Hà | | Không | Em ruột | CMND | | | | P.Long Tuyên, Q.Bình Thủy, Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.15 | | Nguyễn Hồ Thị Minh Tâm | | Không | Em dâu | CMND | | | | P.Long Tuyên, Q.Bình Thủy, Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.16 | | Dương Thị Hồng Lê | | Không | Em ruột | CMND | | | | TT Mỹ Xuyên, h.Mỹ Xuyên, Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.17 | | Hà Văn Hận | | Không | Em rể | CMND | | | | TT Mỹ Xuyên, h.Mỹ Xuyên, Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.18 | | Dương Minh Nhựt | | Không | Em ruột | CMND | | | | 70/8, Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, h. Mỹ Xuyên, STrăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 2.19 | | Lý Thị Tuyết Mai | | Không | Em dâu | CMND | | | | 70/8, Ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên, h. Mỹ Xuyên, STrăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Số giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|------------------------------------|---|---------------------------------|---|--|--|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 3 | | Trương Trúc Linh | | TV HĐQT | TV HĐQT | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.1 | | Trương Công Táo | | Không | Cha | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.2 | | Võ Thị Bê | | Không | Mẹ | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.3 | | Trịnh Thế | | | Cha vợ | - | | | | - | 0 | 0.00% | | | | Chết |
| 3.4 | | Nguyễn Thị Em | | | Mẹ vợ | - | | | | - | 0 | 0.00% | | | | Chết |
| 3.5 | | Trịnh Thanh Thủy | | Không | Vợ | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.6 | | Trương Kim Ngân | | Không | Con ruột | - | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 3.7 | | Trương Ngọc Bích | | Không | Con ruột | - | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 3.8 | | Trương Hoàng Châu | | Không | Con ruột | - | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 3.9 | | Trương Văn Công Hoàng | | Không | Anh ruột | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.10 | | Thái Yến Loan | | Không | Chị dâu | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.11 | | Trương Công Tường | | Không | Anh ruột | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.12 | | Trần Thị Hoa Phụng | | Không | Chị dâu | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.13 | | Trương Công Mỹ | | Không | Anh ruột | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.14 | | Nguyễn Thị Kim Đào | | Không | Chị dâu | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.15 | | Trương Công Vũ | | Không | Anh ruột | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.16 | | Trần Lê Diễm Trang | | Không | Chị dâu | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.17 | | Trương Thị Loan Anh | | Không | Chị ruột | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.18 | | Huỳnh Sông | | Không | Anh rể | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.19 | | Trương Công Thảo | | Không | Anh ruột | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.20 | | Lê Thị Ngọc Giàu | | Không | Chị dâu | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.21 | | Trịnh Thanh Quang | | Không | Anh vợ | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.22 | | Trịnh Thanh Xuân | | Không | Anh vợ | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.23 | | Trịnh Thanh Dũng | | Không | Em vợ | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 3.24 | | Trịnh Thanh Bình | | Không | Em vợ | CMND | | | | 34/5 Quốc lộ 1, Khóm 5, Phường 2, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Số giấy NSH* (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lí do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|------------------------------------|---|---------------------------------|---|--|--|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 4 | CCL | Nguyễn Thái Nguyên | 0001052146 | Thành viên độc lập HĐQT | | CMND | | | | 49-LK08, Khu Dân Cư Minh Châu, Phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 21,090 | 0.04% | 4/27/2018 | | | |
| 4.1 | | Nguyễn Văn Điệp | | Không | Cha ruột | CMND | | | | xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 4.2 | | Huỳnh Thị Ba | | Không | Mẹ ruột | CMND | | | | xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 4.3 | | Nguyễn Văn Ly | | | Cha vợ | | | | | | | | | | | Chết |
| 4.4 | | Huỳnh Thị Hiền | | Không | Mẹ vợ | CMND | | | | huyện Thanh Tri, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 4.5 | | Nguyễn Thị Huỳnh Thảo | | Không | Vợ | CMND | | | | xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 4.6 | | Nguyễn Thành Đạt | | Không | Con ruột | CMND | | | | 49-LK08, Khu Dân Cư Minh Châu, Phường 7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 4.7 | | Nguyễn Văn Truyền | | Không | Anh trai | CMND | | | | xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 4.8 | | Nguyễn Thị Khoa | | Không | Chị gái | CMND | | | | xã Phú Hữu, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 4.9 | | Nguyễn Huỳnh Sinh Nhứt | | Không | Em vợ | CMND | | | | huyện Thanh Tri, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5 | | Phạm Tân Khoa | | Thành viên độc lập HĐQT | Thành viên độc lập HĐQT | CMND | | | | 468/28 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| | | | Trưởng ban kiểm toán nội bộ | Trưởng ban kiểm toán nội bộ | 5/7/2020 | | | | | | | | | | | |
| 5.1 | | Phạm Văn Liễu | | Không | Cha ruột | CMND | | | | 468/28 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.2 | | Dương Thị Huệ | | Không | Mẹ ruột | CMND | | | | 468/28 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.3 | | Hà Văn Châu | | Không | Cha vợ | CMND | | | | 604 Quốc lộ 1, phường 2, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.4 | | Trần Kim Thanh | | Không | Mẹ vợ | CMND | | | | 604 Quốc lộ 1, phường 2, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.5 | CCL | Hà Trần Tuyết Minh | 008C790008 | Không | Vợ | CMND | | | | 604 Quốc lộ 1, phường 2, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 4 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.6 | | Phạm Hồng Lai | | Không | Anh ruột | CMND | | | | 468/28 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.7 | | Nguyễn Thị Thanh Thủy | | Không | Chị dâu | CMND | | | | 468/28 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.8 | | Phạm Hồng Dân | | Không | Anh ruột | CMND | | | | 468/30 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.9 | | Chung Thị Thanh Vân | | Không | Chị dâu | CMND | | | | 468/30 Lý Thường Kiệt, Phường 4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.10 | | Hà Trần Minh Sang | | Không | Em vợ | CMND | | | | 604 Quốc lộ 1, phường 2, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.11 | | Hà Trần Minh Tâm | | Không | Em vợ | CMND | | | | 604 Quốc lộ 1, phường 2, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |
| 5.12 | | Hà Trần Minh Giang | | Không | Em vợ | CMND | | | | 604 Quốc lộ 1, phường 2, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/27/2020 | | | |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Số giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|------------------------------------|---|---------------------------------|---|---|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 6 | | Trần Quốc Bảo | | Thành viên Ban KTNB | Thành viên Ban KTNB | CMND | | | | 9/64, Trương Công Định, K4, Phường 2, TPST, Sóc Trăng. | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.1 | | Trần Văn Cứ | | Không | Cha ruột | CMND | | | | Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.2 | | Cao Thị Rấn | | Không | Mẹ ruột | CMND | | | | Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.3 | | Nguyễn Thị Dung | | Không | Mẹ vợ | CMND | | | | 9/64, Trương Công Định, K4, Phường 2, TPST, Sóc Trăng. | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.4 | | Lữ Thị Nhung | | Không | Vợ | CMND | | | | 9/64, Trương Công Định, K4, Phường 2, TPST, Sóc Trăng. | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.5 | | Trần Trí nhân | | Không | Con | CMND | | | | 9/64, Trương Công Định, K4, Phường 2, TPST, Sóc Trăng. | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 6.6 | | Trần Trí Tài | | Không | Con | CMND | | | | 9/64, Trương Công Định, K4, Phường 2, TPST, Sóc Trăng. | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 6.7 | | Trần Vương Vũ | | Không | Anh ruột | CMND | | | | TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.8 | | Phạm Thị Kim Phương | | Không | Chị dâu | CMND | | | | TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.9 | | Trần Tuấn Kiệt | | Không | Anh ruột | CMND | | | | TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.10 | | Lâm Thanh Trúc | | Không | Chị dâu | CMND | | | | TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.11 | | Trần Tuấn Linh | | Không | Em trai | CMND | | | | Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.12 | | Trần Thị Bạch Tuyết | | Không | Em gái | CMND | | | | Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.13 | | Bùi Xuân Hải | | Không | Em rể | CMND | | | | Huyện Châu Thành. Tỉnh Tiền Giang | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 6.14 | | Lữ Văn Dương | | Không | Anh Vợ | CMND | | | | TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7 | | Trần Thị Ngọc Huệ | | TV Ban KTNB | TV Ban KTNB | CMND | | | | Số 20, LK12, Đường số 8, Khu 5A, P4, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| | | | Người được UQ công bố thông tin | Người được UQ công bố thông tin | 7/6/2020 | | | | | | | | | | | |
| 7.1 | | Trần Ngọc Vinh | | | Cha ruột | | | | | - | | | | | | Chết |
| 7.2 | | Ngô Ngọc Thủy | | | Mẹ ruột | | | | | - | | | | | | Chết |
| 7.3 | | Trần Kim Học | | Không | Cha chồng | CMND | | | | xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.4 | | Nguyễn Thị Tuyết | | Không | Mẹ chồng | CMND | | | | xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.5 | | Trần Phúc Chương | | Không | Chồng | CMND | | | | Số 20, LK12, Đường số 8, Khu 5A, P4,TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.6 | | Trần Đông Nghi | | Không | Con ruột | | | | | Số 20, LK12, Đường số 8, Khu 5A, P4,TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 7.7 | | Trần Tuệ Châu | | Không | Con ruột | | | | | Số 20, LK12, Đường số 8, Khu 5A, P4,TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 7.8 | | Trần Thị Xuân Huyền | | Không | Chị gái | CMND | | | | Số 307, Phạm Hùng, Phường 8, TP. Sóc Trăng,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.9 | | Ngô Tấn Lộc | | Không | Anh rể | CMND | | | | Số 307, Phạm Hùng, Phường 8, TP. Sóc Trăng,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.10 | | Trần Quang Thái | | Không | Anh trai | CMND | | | | Ấp Cấn Giờ, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.11 | | Danh Thị Chanh The | | Không | Chị dâu | CMND | | | | Ấp Cấn Giờ, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.12 | | Trần Thanh Bình | | Không | Anh trai | CMND | | | | Số 25, Cầu Đen, Phường 8, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.13 | | Trần Minh Vương | | Không | Anh trai | CMND | | | | Ấp Hà Bò, xã Tái Văn, huyện Trần Đề,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |
| 7.14 | | Trần Kỳ Quang | | Không | Em chồng | CMND | | | | xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 5/7/2020 | | | |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Số giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD) | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lí do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|---------------------------------|--|------------------------------|---|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 8 | | Nguyễn Sông Gianh | 001C532004 | Phó Tổng Giám Đốc | Phó Tổng Giám Đốc | CMND | | | | LK 01-41, KDC Minh Châu, K1, P7,TPST, tỉnh Sóc Trăng | 2,100 | 0.004% | 9/8/2015 | | | |
| 8.1 | | Nguyễn Minh Dung | | | Bố ruột | - | | | | - | | | | | | Chết |
| 8.2 | | Nguyễn Thị Phú | | Không | Mẹ ruột | CMND | | | | LK 01-41, KDC Minh Châu, K1, P7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 9/8/2015 | | | |
| 8.3 | | Hoàng Văn Lãng | | Không | Bố vợ | CMND | | | | Long Thành, tỉnh Đồng Nai | 0 | 0.00% | 9/8/2015 | | | |
| 8.4 | | Hoàng Thị Phương | | Không | Vợ | CMND | | | | LK 01-41, KDC Minh Châu, K1, P7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 9/8/2015 | | | |
| 8.5 | | Nguyễn Hoàng Cẩm Tú | | Không | Con ruột | - | | | | LK 01-41, KDC Minh Châu, K1, P7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 9/8/2015 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 8.6 | | Nguyễn Hoàng Cẩm Vân | | Không | Con ruột | - | | | | LK 01-41, KDC Minh Châu, K1, P7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 9/8/2015 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 8.7 | | Nguyễn Tuấn Anh | 001C532001 | Không | Em trai | CMND | | | | Lô LK01-39, KDC Minh Châu, P.7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 9/8/2015 | | | |
| 9 | | Đặng Văn Út Anh | | Phó Tổng Giám Đốc | Phó Tổng Giám Đốc | CMND | | | | Số 28, lô O-LK35, đường N17, Khu 5A, P4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.1 | | Đặng Văn Hường | | Không | Cha | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.2 | | Hứa Thị Tua | | Không | Mẹ | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.3 | | Trần Hoài Xuân | | Không | Vợ | CMND | | | | Số 28, lô O-LK35, đường N17, Khu 5A, P4, TPST, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.4 | | Đặng Ngọc Thiên Hà | | Không | Con | - | | | | Số 28, lô O-LK35, đường N17, Khu 5A, P4, TPST, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | Còn nhỏ chưa có CMND |
| 9.5 | | Đặng Văn Chuột | | Không | Anh | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.6 | | Nguyễn Thị Hai | | Không | Chị dâu | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.7 | | Đặng Văn Bọ | | Không | Anh | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.8 | | Đặng Văn Công | | Không | Anh | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.9 | | Lê Thị Ánh | | Không | Chị dâu | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.10 | | Đặng Thị Diễm | | Không | Chị | CMND | | | | ấp Khu 1, xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.11 | | Huỳnh Văn Lâm | | Không | Anh rể | CMND | | | | ấp Khu 1, xã Thanh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.12 | | Đặng Văn Tùng | | Không | Anh | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.13 | | Vi Thị Thúy | | Không | Chị dâu | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên,tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.14 | | Đặng Văn Canh | | Không | Anh | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.15 | | Lê Thị Út Nhỏ | | Không | Chị dâu | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.16 | | Đặng Văn Em | | Không | Em | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.17 | | Đặng Văn Út Đen | | Không | Em | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |
| 9.18 | | Ngô Thanh Hào | | Không | Em dâu | CMND | | | | ấp Hòa Phước, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 7/1/2020 | | | |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Số giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|---------------------------------|--|------------------------------|---|--|---|----------|---------|---|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 10 | CCL | Bùi Thị Kim Ngân | 0001036949 | Kế toán trưởng | Kế toán trưởng | Thẻ căn cước | | | | LK04-35 Đường số 8, KDT 5A, P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 5,000 | 0.01% | 4/1/2014 | | | |
| 10.1 | | Bùi Hữu Sự | | Không | Cha ruột | CMND | | | | 073, ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, Q.Phong Điền,TP Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.2 | | Trần Thị Ái Vân | | Không | Mẹ ruột | CMND | | | | 073, ấp Nhơn Bình, xã Nhơn Ái, Q.Phong Điền,TP Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.3 | | Đỗ Minh Đức | | Không | Cha chồng | CMND | | | | Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.4 | | Huỳnh Hồng Ri | | Không | Mẹ chồng | CMND | | | | Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.5 | | Đỗ Thành Nhơn | | Không | Chồng | CMND | | | | Số 35,LK04, Đường số 8, Khu 5A, P4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.6 | | Đỗ Khôi Nguyên | | Không | Con | CMND | | | | Số 35,LK04, Đường số 8, Khu 5A, P4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.7 | | Đỗ Đức Huy | | Không | Con | - | | | | Số 35,LK04, Đường số 8, Khu 5A, P4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | Còn nhò chưa có CMND |
| 10.8 | | Bùi Chí Thiện | | Không | Anh | CMND | | | | 09 LK20, đường D13, KDC Minh Châu, P7, TPST, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.9 | | Trần Thanh Lan | | Không | Chị dâu | Căn cước | | | | 09 LK20, đường D13, KDC Minh Châu, P7, TPST, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.10 | | Bùi Thị Kim Bình | | Không | Chị ruột | CMND | | | | Áp Thị Tứ, Xã Nhơn Nghĩa, Q. Phong Điền, TP. Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.11 | | Trịnh Tuyết Dàn | | Không | Anh rể | Căn cước | | | | Áp Thị Tứ, Xã Nhơn Nghĩa, Q. Phong Điền, TP. Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.12 | | Bùi Thị Kim Hoàng | | Không | Chị ruột | CMND | | | | 11-13, LK35, đường số 23, Kh 5A, P4,TPST, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.13 | | Huỳnh Minh Quân | | Không | Anh rể | CMND | | | | 11-13, LK35, đường số 23, Kh 5A, P4,TPST, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.14 | | Bùi Thị Kim Thanh | | Không | Em ruột | CMND | | | | 149/3, Khu vực Yên Bình, P. Lê Bình, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.15 | | Dương Thanh Hải | | Không | Em rể | CMND | | | | 149/3, Khu vực Yên Bình, P. Lê Bình, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.16 | | Bùi Thị Kim Tuyền | 0001109542 | Không | Em ruột | CMND | | | | Áp Thị Tứ, Xã Nhơn Nghĩa, Q. Phong Điền, TP.Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.17 | | Phan Thanh Tông | | Không | Em rể | Căn cước | | | | Áp Thị Tứ, Xã Nhơn Nghĩa, Q. Phong Điền, TP.Cần Thơ | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.18 | | Đỗ Hồng Hạnh | | Không | Em chồng | CMND | | | | Xã Trần Phán, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |
| 10.19 | | Đỗ Hồng Như | | Không | Em chồng | CMND | | | | Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau | 0 | 0.00% | 4/1/2014 | | | |

| STT No | Mã chứng khoán | Tên tổ chức/ cá nhân (*) (Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Số giấy NSH * (CMND, căn cước / Passport / Giấy ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có giấy NSH và các ghi chú khác) |
|--------|----------------|---|--|------------------------------|---|--|---|----------|---------|--|----------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| 11 | | Công ty TNHH Bán Buôn Thủy Sản Đại Phú Xuân | | Công ty con | Công ty con | GĐKKD | | | | Số 56, Đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 1/1/2021 | | | |
| 11.1 | | Trương Trúc Linh | | TV.HĐQT | Chủ tịch HĐQT Công ty con | CMND | | | | LK36-01,02, Đường số 8, KĐT5A, K4P4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 4/15/2017 | | | |
| 11.2 | | Lê Văn Phước | 005C251494 | Không | Giám đốc Công ty con | CMND | | | | Áp Văn Sáu, xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng | 0 | 0.00% | 1/1/2021 | | | |

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT HCM;
- Lưu VT, HĐQT

Sóc Trăng, Ngày 28 tháng 01 năm 2021
Người công bố thông tin

